

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 13 tháng 10, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	FRT	10/10/2025	143.6	1.813.000	583.350	3.11
2	MCH	10/10/2025	144.1	885.100	285.583	3.1
3	MHC	10/10/2025	14.75	949.000	351.533	2.7
4	NAG	10/10/2025	13	1.456.200	557.010	2.61
5	VGS	10/10/2025	32.1	3.566.600	1.376.203	2.59
6	VRE	10/10/2025	40.35	20.025.400	7.970.127	2.51
7	TCH	10/10/2025	24.7	23.770.100	9.780.670	2.43
8	CTD	10/10/2025	87.6	2.130.900	897.443	2.37
9	GEX	10/10/2025	55.9	21.396.500	9.327.720	2.29
10	VFS	10/10/2025	17.07	5.575.100	2.640.683	2.11
11	VPL	10/10/2025	89	1.148.200	581.943	1.97
12	IDC	10/10/2025	38.1	3.329.800	1.731.253	1.92
13	VTP	10/10/2025	98.6	696.900	366.647	1.9
14	MBB	10/10/2025	27.45	56.780.900	30.264.010	1.88
15	SBT	10/10/2025	26.75	2.006.800	1.081.453	1.86
16	SCS	10/10/2025	57.5	536.000	290.063	1.85
17	VHM	10/10/2025	123	9.026.200	5.147.517	1.75
18	HHS	10/10/2025	19.45	10.177.200	5.963.540	1.71
19	LSS	10/10/2025	10.45	652.700	383.340	1.7
20	BSR	10/10/2025	29.2	15.131.400	9.375.370	1.61
21	MSN	10/10/2025	84.1	13.452.100	8.708.593	1.54
22	VIC	10/10/2025	192	4.294.700	2.975.180	1.44
23	CTI	10/10/2025	26	1.527.700	1.060.140	1.44
24	VCI	10/10/2025	43.55	13.129.800	9.203.783	1.43
25	MSR	10/10/2025	26.3	3.096.200	2.165.303	1.43
26	NLG	10/10/2025	40.35	4269900	3045387	1.4
27	LPB	10/10/2025	51.6	4036000	2886020	1.4
28	CTG	10/10/2025	55.2	13398000	9607663	1.39



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	10/10/2025	8.22	1.806.970	50.38	7.83	05.05	0.06	0.06
2	ASM	10/10/2025	7.59	1.850.780	44.68	7.16	06.07	0.07	0.03
3	BID	10/10/2025	41.2	3.404.850	54.35	38.65	6.59	0.17	-0.12
4	BMI	10/10/2025	21.9	500.430	48.16	20.94	4.57	0.08	0.16
5	CSM	10/10/2025	14.6	741.790	45.89	13.91	4.93	0.08	0.22
6	DBC	10/10/2025	27.65	4.244.820	48.55	26.1	5.92	-0.35	0.1
7	FRT	10/10/2025	143.6	636.650	68.1	140.07	2.52	-1.01	-4.03
8	LSS	10/10/2025	10.45	650.780	58.77	10.1	3.46	0.11	-0.12
9	MST	10/10/2025	6.1	3.835.190	57.11	5.84	4.5	0.01	0.11
10	NTL	10/10/2025	18.75	961.800	48.45	17.77	5.5	-0.15	-0.27
11	PVD	10/10/2025	21.6	3.614.040	47.97	21.07	2.54	0.19	-0.46
12	VC3	10/10/2025	27.8	731.150	47.11	26.01	6.52	0.02	0.14
13	VCB	10/10/2025	64.2	4.691.220	54.35	60.84	5.52	0.14	-0.12
14	VNM	10/10/2025	62.4	4.204.060	53	58.96	5.83	0.33	0.32
15	VPI	10/10/2025	57.8	1.933.200	57.75	55.43	4.27	0.43	-0.53



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ABB	12.8	13	2.778.140
2	ANV	32.8	33.5	4057750
3	ATG	8.7	9.7	301.330
4	CTG	55.2	56.5	9.654.080
5	GEE	143.8	143.8	1170060
6	MSB	13.7	14.5	8.951.650
7	MSR	26.3	26.8	1.776.590
8	MWG	82	82	8.259.250
9	NAF	33.1	33.2	673.830
10	OCB	13.35	13.4	3.713.510
11	SBT	26.75	26.75	1.045.080
12	STB	60.4	61	9.657.660
13	TCH	24.7	24.7	10.678.370
14	VHM	123	123	6.866.010
15	VIC	192	192	3.348.570
16	VRE	40.35	40.4	14.390.620

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	MCH	144.1	134.2	237.900
2	VEA	40.1	40.1	332.100

Phá đáy 3 tháng

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BHN	32	31.9	11.340
2	BTP	10.6	10.55	26.100
3	PAS	3.6	3.6	147.630
4	TD6	7.4	7.4	40.510
5	VAB	11.4	11.35	907.570

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	FRT	143.6	140.07	636.650

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	HVN	36.2	36.12	1.000.580
2	LCG	12.45	12.42	3.549.170
3	NLG	40.35	40.07	2952930
4	NVL	15.6	15.57	10.791.770
5	PDR	23.65	23.53	15.759.090
7	VCI	43.55	43.21	8132610

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BID	41.2	40.87	3.404.850
2	BII	0.8	0.74	609.830
3	CTI	26	25.78	819380
4	KSB	19.8	19.73	2.124.770
5	SCR	9.37	9.35	7.070.310
6	VGS	32.1	30.92	1.015.670

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	VFS	17.7	17.91	2.912.450

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	PVD	21.6	21.82	3.614.040

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BMI	21.9	22.02	500.430
2	DBC	27.65	27.66	4.244.820
3	DSE	29.2	29.31	799750
4	HID	3.34	3.35	559.860
5	SBS	6.4	6.51	1.011.800



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SBG	10/10/2025	12.05	12.15	12.7	4.5	168.700
2	NAB	10/10/2025	15.15	14.65	15.5	5.8	1.641.260
3	SSB	10/10/2025	19.45	19	20.15	6.1	2.690.760
4	OCB	10/10/2025	13.35	12.55	13.4	6.8	4.906.120
5	QTP	10/10/2025	13.1	13	13.9	6.9	217.940
6	VEA	10/10/2025	40.1	37.9	40.6	7.1	325.520
7	BAF	10/10/2025	35.25	33.55	36	7.3	2.356.140
8	VTZ	10/10/2025	18.5	18	19.4	7.8	1.400.840
9	MSB	10/10/2025	13.7	13	14.5	8.1	10.472.360
10	VAB	10/10/2025	11.4	11.35	12.3	8.4	1.389.600
11	ABB	10/10/2025	12.8	11.9	13	9.2	3.162.340
12	PNJ	10/10/2025	85	81.57	89.05	9.2	334.300
13	SJD	10/10/2025	14.2	13.5	14.76	9.3	139.140
14	PPT	10/10/2025	13.8	13.2	14.5	9.8	238.580
15	AVG	10/10/2025	14.9	14.6	16.1	10.3	231.460
16	SAB	10/10/2025	45.85	45.15	50	10.7	628.340
17	TTA	10/10/2025	12.45	12.1	13.4	10.7	145.580
18	PPC	10/10/2025	10.65	10.6	11.75	10.8	232.600
19	PVT	10/10/2025	17.95	17.65	19.6	11	2.232.120
20	REE	10/10/2025	65.2	63.9	71.2	11.4	303.000
21	BWE	10/10/2025	49.4	46.5	51.9	11.6	104100
22	GAS	10/10/2025	60.9	60	67.35	12.2	411580
23	VNM	10/10/2025	62.4	58.5	66.2	13.2	4391280
24	CTF	10/10/2025	20.7	20.1	22.75	13.2	334940
25	PCH	10/10/2025	20	19.5	22.1	13.3	145000
26	BCM	10/10/2025	66.1	64	73	14.1	182880
27	VIP	10/10/2025	13.35	12.65	14.45	14.2	197740
28	VGT	10/10/2025	12.1	11.9	13.6	14.3	426820



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009